TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 – CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **181**/2026/DS-ST
Ngày 18-6-2026
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Bà Dương Thị Lụa
- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Trịnh Hoàng Thám
Bà Huỳnh Tố Trinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Mẫn, là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu K – Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 18 tháng 6 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 377/2025/TLST-DS ngày 23 tháng 12 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 130/2026/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP V1 (gọi tắt là Ngân hàng V2)

Địa chỉ: Số H, L, phường Đ, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Mộng C, sinh năm 1995. Căn cước công dân số: 096195006112, cấp ngày 16/9/2021 (có mặt).

Địa chỉ: Tầng B, số A N, phường L, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Bà Hồ Thị N, sinh năm 1983. Căn cước công dân số: 096183013136, cấp ngày 16/9/2021 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp D, xã N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong quá trình tố tụng và tại phiên toà đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:*

Bà Hồ Thị Nguyễn C1 vay vốn tại Ngân hàng TMCP V1 theo Hợp đồng cho vay số: LN2401241677483 ngày 25/01/2024. Ngày 23/01/2024 bà Hồ Thị N đã ký giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, số tiền: 210.000.000 đồng. Mục đích vay tiêu dùng, thời hạn vay 24 tháng (Từ ngày 25/01/2024 đến ngày 04/01/2026). Lãi suất giải ngân là: 37%/năm được cố định trong suốt thời hạn cho vay. Quá trình thực hiện hợp đồng thì khách hàng đã thanh toán được số tiền là: 178.064.030 đồng, trong đó (nợ gốc là: 108.661.783 đồng, nợ lãi là: 69.402.247 đồng). Thời điểm khách hàng quá hạn thanh toán vào ngày 04/04/2025, tổng dư nợ tạm tính đến ngày 18/06/2026 là: 173.488.451 đồng, trong đó nợ gốc: 101.338.217

đồng, nợ lãi 72.150.234 đồng (lãi trong hạn: 48.100.156 đồng; lãi quá hạn: 24.050.078 đồng).

Từ khi khách hàng quá hạn thì đại diện Ngân hàng đã liên hệ để yêu cầu bà N thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với Ngân hàng nhưng bà N vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Nay Ngân hàng yêu cầu Toà án giải quyết buộc bà Hồ Thị Nguyễn C1 trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP V1 số tiền còn nợ tính đến ngày 18/06/2026 là: 173.488.451 đồng, trong đó nợ gốc: 101.338.217 đồng, nợ lãi 72.150.234 đồng (lãi trong hạn: 48.100.156 đồng; lãi quá hạn: 24.050.078 đồng). Ngoài ra, kể từ ngày 19/06/2026 trở đi bà Hồ Thị Nguyễn C2 phải tiếp tục chịu lãi, lãi quá hạn phát sinh theo Hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho Ngân hàng V2.

Tại phiên toà, bị đơn bà Hồ Thị N trình bày: Bà thừa nhận trước đây bà có ký hợp đồng vay vốn tại Ngân hàng TMCP V1 số tiền 210.000.000 đồng như Ngân hàng xác định là đúng. Bà không vi phạm nghĩa vụ trả nợ với Ngân hàng V2 hàng tháng bà vẫn trả cho Ngân hàng đầy đủ nhưng cán bộ Ngân hàng yêu cầu bà phải tất toán toàn bộ khoản vay, do bà không có khả năng trả một lần nên không đồng ý theo yêu cầu của Ngân hàng V2 kể từ tháng 4/2025 bà không có trả cho Ngân hàng nữa.

Nay đối với yêu cầu của Ngân hàng V2 yêu cầu bà trả số tiền tính đến hết ngày 18/06/2026 là: 173.488.451 đồng, trong đó nợ gốc: 101.338.217 đồng, nợ lãi 72.150.234 đồng. Bà đồng ý trả nợ cho Ngân hàng V2 nhưng bà xin được trả số tiền vốn gốc trong 03 lần còn nếu Ngân hàng không đồng ý mà yêu cầu trả cả gốc và lãi thì bà xin được trả dần hàng tháng như trước đây.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau trình bày quan điểm:*

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã chấp hành đúng theo các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự; Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của họ theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 90, 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V1. Buộc bà Hồ Thị N có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP V1 số tiền là: 173.488.451 đồng, trong đó nợ gốc: 101.338.217 đồng, nợ lãi 72.150.234 đồng. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành về lệ phí, án phí của Tòa án: Đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng, quan hệ pháp luật: Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng tín dụng và thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Cà Mau theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét thấy, việc Ngân hàng TMCP V1 với bà Nguyễn C1 ký kết hợp đồng vay với nhau là có thật, thể hiện tại Hợp đồng tín dụng số LN2401241677483 ngày 25/01/2024 và đã được bà Nguyễn thừa N1 đồng ý trả nợ cho Ngân hàng V2. Bà Nguyễn X được trả vốn gốc nhưng không được Ngân hàng chấp nhận. Xét thấy việc ký kết hợp đồng vay vốn là sự tự nguyện của các bên, Ngân

hàng V2 đã thực hiện đúng nghĩa vụ giải ngân cho bà N nhưng bà N đã vi phạm nghĩa vụ đối với Ngân hàng V2 là không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo như thoả thuận trong hợp đồng và cũng đã được bà Nguyễn thừa N1 là từ tháng 4/2025 bà không có trả cho Ngân hàng V2 nên yêu cầu của Ngân hàng TMCP V1 là có căn cứ chấp nhận.

Xét yêu cầu của bà Hồ Thị Nguyễn V việc xin được trả dần là không có căn cứ chấp nhận. Vì phương thức trả tiền cụ thể của các bên thuộc giai đoạn thi hành bản án có hiệu lực pháp luật và thuộc thẩm quyền của cơ quan thi hành án dân sự.

Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V2, buộc bà N có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng V2 số tiền tính đến ngày 18/06/2026 là: 173.488.451 đồng, trong đó nợ gốc: 101.338.217 đồng, nợ lãi 72.150.234 đồng và nợ lãi phát sinh đối với số nợ còn lại theo quy định trong hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng V2 kể từ ngày 19/6/2026 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Hồ Thị Nguyễn P chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền 173.488.451 đồng x 5% = 8.674.000 đồng (làm tròn). Ngân hàng V2 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, đã dự nộp được nhận lại khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Cà Mau là phù hợp nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 90, Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V1 đối với bà Hồ Thị N.

Buộc bà Hồ Thị N có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP V1 tổng số tiền 173.488.451 đồng (Một trăm bảy mươi ba triệu bốn trăm tám mươi tám nghìn bốn trăm năm mươi mốt) đồng và nợ lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết với ngân hàng kể từ ngày 19/6/2026 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Ngân hàng TMCP V1 cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu bà Hồ Thị Nguyễn C3 thi hành án thì còn phải chịu khoản lãi phát sinh tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất thỏa thuận đã ký kết với Ngân hàng TMCP V1 theo hợp đồng tín dụng số LN2401241677483 ngày 25/01/2024.

2. Về án phí: Buộc bà Hồ Thị Nguyễn P chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 8.674.000 đồng (Tám triệu sáu trăm bảy mươi bốn nghìn) đồng, chưa nộp.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V1 số tiền tạm ứng án phí 3.622.000 (Ba triệu sáu trăm hai mươi hai nghìn) đồng, theo biên lai thu tiền số 0006498 ngày 16/12/2025 tại Phòng thi hành án dân sự Khu vực 2 – Cà Mau.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm, đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Khu vực 2 – Cà Mau;
- Phòng THADS Khu vực 2 – Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Lụa